

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định mức học phí năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-LĐTĐ ngày 09/4/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định 97/2023/NĐ-CP, ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc phê duyệt mức học phí năm học 2025 – 2026;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức học phí năm học 2025 – 2026 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long. (Có quy định kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Ông (Bà) các Phòng, Khoa, Trung tâm, đơn vị liên quan và những học viên, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng

QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số: 22/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09 tháng 01 năm 2025)

Hệ đào tạo	Mức học phí năm học 2025 – 2026	Ghi chú
I. Tiến sĩ		
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	55.500.000 đồng/năm học	
II. Thạc sĩ		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ các ngành Sư phạm)	954.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	954.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.025.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.110.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.014.000 đồng/tín chỉ	
III. Liên kết đào tạo quốc tế		
1. Liên kết với trường Đại học Tongmyong - Hàn Quốc		
- Học tại trường Đại học SPKT Vĩnh Long:		
+ Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ các ngành Sư phạm)	715.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	715.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	730.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	830.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	755.000 đồng/tín chỉ	
- Học tại trường Đại học Tongmyong - Hàn Quốc (<i>dự kiến</i>)	Dự kiến: - 3.869.000 won/học kỳ - 2.817.600 won/học kỳ	Tùy khối ngành



Hệ đào tạo	Mức học phí năm học 2025 – 2026	Ghi chú
2. Liên kết với Trung tâm Esuhai - Nhật		
- Học tiếng Nhật	19.200.000 đồng/toàn khóa	
- Các học phần còn lại:		
+ Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ các ngành Sư phạm)	715.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	715.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	730.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	830.000 đồng/tín chỉ	
+ Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	755.000 đồng/tín chỉ	
IV. Đại học chính quy (chương trình đại trà)		
1. Nhóm các ngành Sư phạm	0 đồng/tín chỉ	
2. Nhóm các ngành ngoài Sư phạm		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ các ngành Sư phạm)	530.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	530.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	540.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y		
+ Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	615.000 đồng/tín chỉ	
+ Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	550.000 đồng/tín chỉ	
+ Các ngành còn lại của Khối ngành V	585.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	560.000 đồng/tín chỉ	



Hệ đào tạo	Mức học phí năm học 2025 – 2026	Ghi chú
V. Đại học vừa làm vừa học		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ Các ngành Sư phạm)	795.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	795.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	720.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y		
+ Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	920.000 đồng/tín chỉ	
+ Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	825.000 đồng/tín chỉ	
+ Các ngành còn lại của Khối ngành V	875.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	840.000 đồng/tín chỉ	
VI. Đại học đào tạo từ xa		
- Khối ngành I: Khoa Học Giáo dục và đào tạo Giáo viên (trừ Các ngành Sư phạm)	689.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	689.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	702.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	760.000 đồng/tín chỉ	
- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	728.000 đồng/tín chỉ	



Lưu ý:

- Cán bộ công viên chức, con cán bộ công viên chức và người lao động của Trường khi học tại Trường được tính theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của Trường.
- Đối với trình độ đào tạo Tiến sĩ: mức học phí trên được áp dụng cho tất cả các năm học trong toàn khóa học.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng

